

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC DANAPHA

MỤC LỤC

1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Danapha (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dược Danapha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400102091, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 02 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại : +84 (0236) 376 0126
- Fax : +84 (0236) 376 0127

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Tầng 13, tòa nhà ADI Building, Lô HH-03, khu tiểu thủ công nghiệp làng nghề Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Chi nhánh Vĩnh Phúc	Số 43, lô S6, khu đô thị chùa Hà Tiên, phường Liên Bảo, TP. Vĩnh Yên
Chi nhánh Thanh Hóa	Lô 141, LK3, MBQH121/UB-CN, phường Đồng Vệ, TP. Thanh Hóa
Chi nhánh Khánh Hòa	Lô 27-28, đường số 8, khu đô thị mới Lê Hồng Phong - Venesia, phường Phước Hải, TP. Nha Trang
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Lô 14, đường số 8, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Cần Thơ	A3-22 đường số 10, KDC Nam Long, khu vực 02, phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh cá nhân;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm và đồ uống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn thuốc;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hóa dược, dược liệu, bao bì;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Nghiên cứu và chuyển giao công thức sản phẩm;

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Thắng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Ông Nguyễn Đức Sơn	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Trị	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020
Ông Đinh Xuân Hân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Khắc Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2006
Ông Lê Văn Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Ông Nguyễn Kim Phúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Ông Lê Thanh Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2020
Bà Phạm Hương Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2020

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2016
Ông Lê Thăng Bình	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Khái	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Ông Phạm Đăng Dục	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Thăng Bình	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Trị	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2020
Ông Mai Đăng Đầu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2016
Ông Dương Chí Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Bình Ngọc Khuê	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2018
Ông Nguyễn Kim Phúc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thời gian
Ông Nguyễn Quốc Thắng	Chủ tịch	Từ ngày 17 tháng 5 năm 2019 đến ngày 04 tháng 02 năm 2021
Ông Lê Thăng Bình	Tổng Giám đốc	Từ ngày 01 tháng 4 năm 2021 đến nay
Ông Nguyễn Quang Trị	Tổng Giám đốc	Từ ngày 20 tháng 12 năm 2006 đến ngày 31 tháng 3 năm 2020

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Thăng Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 03 năm 2021



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Lê Hồng Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 1.0273/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Danapha (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

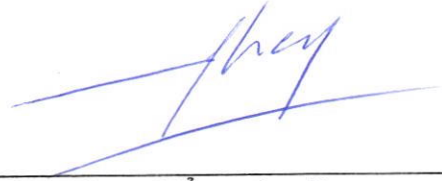
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Danapha tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 16 tháng 3 năm 2020.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1



Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1033-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

0300
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C
Q. TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		453.084.111.628	498.482.601.617
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	88.422.651.082	73.361.685.271
1. Tiền	111		14.912.130.534	13.291.530.082
2. Các khoản tương đương tiền	112		73.510.520.548	60.070.155.189
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		67.500.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	67.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		192.038.615.203	298.912.436.553
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	155.617.984.666	259.455.199.476
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	29.233.077.941	32.016.069.959
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	9.790.425.842	10.074.169.118
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.602.873.246)	(2.633.002.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		89.457.057.787	108.724.172.148
1. Hàng tồn kho	141	V.7	89.654.927.832	110.154.716.734
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(197.870.045)	(1.430.544.586)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.665.787.556	17.484.307.645
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.388.834.940	1.080.916.351
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.259.672.616	13.873.946.520
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	17.280.000	2.529.444.774
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		268.826.727.091	286.252.102.080
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		187.099.707.308	209.330.401.687
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	138.410.321.295	160.641.015.674
- Nguyên giá	222		359.505.650.404	355.354.748.655
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(221.095.329.109)	(194.713.732.981)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	48.689.386.013	48.689.386.013
- Nguyên giá	228		48.689.386.013	48.689.386.013
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		51.320.314.183	46.772.106.153
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	51.320.314.183	46.772.106.153
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		16.210.000.000	15.473.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	8.820.000.000	8.820.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	6.800.000.000	6.800.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(4.410.000.000)	(147.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	5.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.196.705.600	14.676.594.240
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	14.196.705.600	14.676.594.240
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		721.910.838.719	784.734.703.697

815-C
 TY
 HỮU H
 À TUV
 C
 HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		124.220.658.757	348.261.601.724
I. Nợ ngắn hạn	310		124.220.658.757	330.969.580.774
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	38.862.772.138	30.316.884.133
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		448.281.908	1.036.738.101
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.308.564.959	490.539.326
4. Phải trả người lao động	314	V.14	9.034.108.452	15.992.315.709
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5.503.422.764	9.392.840.718
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	205.537.581	20.422.877.366
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a, c	66.857.970.955	253.302.060.207
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	15.325.214
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	17.292.020.950
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b, c	-	17.292.020.950
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA


Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		597.690.179.962	436.473.101.973
I. Vốn chủ sở hữu	410		597.492.941.700	436.237.868.911
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18a, b	211.410.000.000	136.410.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		211.410.000.000	136.410.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.18a	181.575.607.584	88.824.500.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	V.18a	-	17.751.107.584
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.18a	(2.268.000.000)	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18a, d	175.383.061.327	162.390.874.794
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18a, d	31.392.272.789	30.861.386.533
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	30.861.386.533
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		31.392.272.789	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		197.238.262	235.233.062
1. Nguồn kinh phí	431		130.789.356	168.784.156
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		66.448.906	66.448.906
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		721.910.838.719	784.734.703.697



Trương Thị Diệu Huyền
Kế toán trưởng/Người lập



Lê Thăng Bình
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

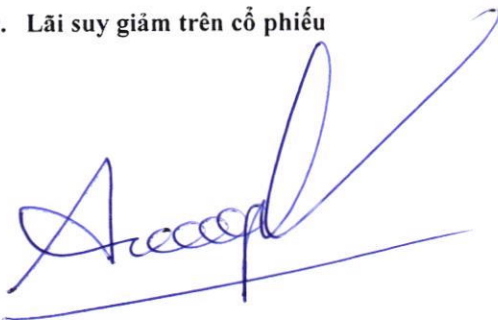
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	399.490.314.668	503.612.657.232
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	8.776.160.309	1.751.785.383
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		390.714.154.359	501.860.871.849
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	217.115.538.797	293.635.842.679
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		173.598.615.562	208.225.029.170
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5.679.151.741	3.671.773.264
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	12.292.881.951	17.971.068.102
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.142.292.234	17.307.129.546
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	78.346.100.538	99.576.191.310
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	48.459.319.602	53.912.911.027
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.179.465.212	40.436.631.995
11. Thu nhập khác	31		13.420.112	328.375.954
12. Chi phí khác	32		282.121.702	1.129.597.065
13. Lợi nhuận khác	40		(268.701.590)	(801.221.111)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39.910.763.622	39.635.410.884
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	8.518.490.833	10.218.232.048
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>31.392.272.789</u>	<u>29.417.178.836</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a, b	<u>1.672</u>	<u>2.186</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a, b	<u>1.672</u>	<u>1.703</u>



Trương Thị Diệu Huyền
Kế toán trưởng/Người lập



Đà Nẵng, ngày 06 tháng 3 năm 2021

Lê Thăng Bình
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dững Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		39.910.763.622	39.635.410.884
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	26.381.596.128	26.581.921.171
- Các khoản dự phòng	03	V.2b, 6	4.232.871.246	(1.418.165.139)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	222.881.022	522.117.313
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(4.930.902.506)	(3.197.657.304)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	7.142.292.234	17.307.129.546
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		72.959.501.746	79.430.756.471
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		111.059.733.482	9.099.893.644
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		19.267.114.361	10.991.930.448
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.983.801.132)	(5.077.521.098)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(828.029.949)	559.155.623
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.582.771.552)	(10.857.272.188)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(3.331.000.000)	(16.577.700.281)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(53.320.014)	(8.569.261.310)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		188.507.426.942	58.999.981.309
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 11	(7.915.668.221)	(35.605.724.584)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	181.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(72.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	4.018.243.602	3.151.553.450
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(76.397.424.619)	(32.272.352.952)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

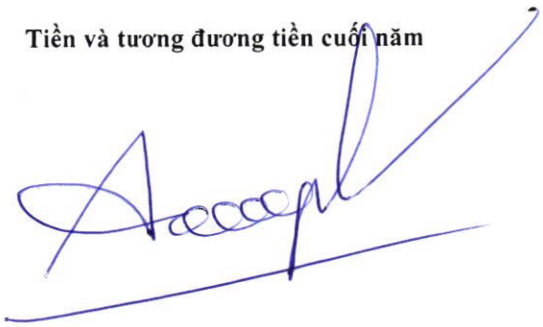
Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	7.402.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.18a	(2.268.000.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17a	176.078.875.011	214.724.567.695
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a, b	(232.994.220.691)	(260.193.115.647)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16, 18a	(37.865.477.200)	(11.671.289.480)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(97.048.822.880)	(49.737.837.432)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		15.061.179.443	(23.010.209.075)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	73.361.685.271	96.301.805.371
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(213.632)	70.088.975
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	88.422.651.082	73.361.685.271



Trương Thị Diệu Huyền
Kế toán trưởng/Người lập



Đà Nẵng, ngày 06 tháng 3 năm 2021

Lê Thăng Bình
Tổng Giám đốc

815-C
TY
HỮU H
VÀ TƯ V
C
PHỔ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Danapha (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc, hoá dược và dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty chi đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome có trụ sở chính tại 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh các loại hóa, dược, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng; nghiên cứu và phát triển khoa học ứng dụng cho dược phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 49%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 404 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 478 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dường Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất trả trước.

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (35 năm).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất của Công ty là quyền sử dụng đất lâu dài nên không được tính khấu hao.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Trường hợp không xác định được lãi suất của trái phiếu tương tự, lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu được sử dụng để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Nếu người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu là giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành tại thời điểm báo cáo, được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn chuyển đổi trái phiếu được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, giá trị quyền chọn được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	708.605.637	853.262.900
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.203.524.897	12.438.267.182
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	73.510.520.548	60.070.155.189
Cộng	<u>88.422.651.082</u>	<u>73.361.685.271</u>

- ⁽ⁱ⁾ Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng với lãi suất 3,2%/năm và tại Ngân hàng TMCP Bản Việt với lãi suất 4%/năm; các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Sông Hàn với lãi suất 3,7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	67.500.000.000	67.500.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng ⁽ⁱ⁾	67.500.000.000	67.500.000.000	-	-
Dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Trái phiếu - Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Cộng	72.500.000.000	72.500.000.000	-	-

(i) Trong đó khoản tiết gửi kỳ hạn 6 tháng là 3.500.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (xem thuyết minh số V.17a).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết	8.820.000.000	(4.410.000.000)	8.820.000.000	(147.000.000)
Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome	8.820.000.000	(4.410.000.000)	8.820.000.000	(147.000.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.800.000.000	-	6.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược – Thiết bị Y tế Đà Nẵng	6.800.000.000	-	6.800.000.000	-
Cộng	15.620.000.000	(4.410.000.000)	15.620.000.000	(147.000.000)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome vẫn đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	147.000.000	147.000.000
Trích lập dự phòng	4.263.000.000	-
Số cuối năm	4.410.000.000	147.000.000

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch với Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán thành phẩm	56.363.637	19.731.862
Bán nguyên vật liệu	-	36.150.899

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	57.210.476.484	111.481.817.828
Danson - BG EOOD	41.422.962.175	109.679.882.135
Công ty Cổ phần Dược – Thiết bị Y tế Đà Nẵng	1.391.700.343	1.705.847.668
Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome	-	95.934.110
Công ty Cổ phần Danson Group	14.395.660.051	-
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Danson	153.915	153.915
Công ty TNHH Dược Kim Đô	23.645.429.673	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	98.407.508.182	147.973.381.648
Cộng	155.617.984.666	259.455.199.476

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	-	1.175.000.000
Tổng công ty Dược Việt Nam	-	1.175.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	29.267.177.941	30.841.069.959
Joy-Maitreya Int'l Ltd.	16.186.543.200	16.158.538.800
Seoul Hi Tech Co., Ltd.	4.043.688.000	4.036.692.000
Các nhà cung cấp khác	9.002.846.741	10.645.839.159
Cộng	29.233.077.941	32.016.069.959

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	1.888.917.705	-	2.343.282.338	-
Lãi dự thu	912.658.904	-	-	-
Các khoản ký quỹ	6.742.246.123	-	6.706.265.615	-
Phải thu khác	246.603.110	-	1.024.621.165	-
Cộng	9.790.425.842	-	10.074.169.118	-

6. Nợ quá hạn

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
<i>Các bên liên quan</i>		153.915	153.915		96.088.025	67.281.025
Công ty Cổ phần Dược Danapha - Nanosome		-	-	Từ 06 tháng đến dưới 03 năm	95.934.110	67.127.110
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Danson	Từ 06 tháng đến dưới 03 năm	153.915	153.915	Từ 06 tháng đến dưới 03 năm	153.915	153.915
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		38.994.579.698	36.391.706.452		21.549.687.903	18.945.492.903
Công ty TNHH Dược phẩm Hùng Phát	Từ 06 tháng đến dưới 03 năm	705.424.620	407.279.234	Từ 06 tháng đến dưới 02 năm	812.014.620	553.002.620
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Xuất nhập khẩu H.P Cát	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	561.599.439	280.799.439
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 06 tháng đến trên 03 năm	38.289.155.078	35.984.427.218	Từ 06 tháng đến trên 03 năm	20.176.073.844	18.111.690.844
Cộng		38.994.733.613	36.391.860.367		21.645.775.928	19.012.773.928

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.633.002.000	4.273.885.000
Trích lập dự phòng	-	1.620.180.000
Hoàn nhập dự phòng	(30.128.754)	(3.261.063.000)
Số cuối năm	<u>2.602.873.246</u>	<u>2.633.002.000</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	51.104.661.231	(109.477.354)	67.195.304.269	(661.856.167)
Công cụ, dụng cụ	409.280.108	-	717.067.253	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.523.354.769	-	7.526.196.044	-
Thành phẩm	26.515.499.894	(88.392.691)	34.136.189.092	(768.688.419)
Hàng hóa	102.131.830	-	579.960.076	-
Cộng	<u>89.654.927.832</u>	<u>(197.870.045)</u>	<u>110.154.716.734</u>	<u>(1.430.544.586)</u>

Một số hàng tồn kho cuối năm đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay và nợ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (xem thuyết minh số V.17a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.430.544.586	1.207.826.725
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1.797.119.433
Xử lý hàng bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất	(1.232.674.541)	(1.574.401.572)
Số cuối năm	<u>197.870.045</u>	<u>1.430.544.586</u>

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê văn phòng	146.756.004	90.000.000
Chi phí bảo hiểm	166.980.505	351.366.349
Phí đánh giá sinh học	1.725.238.094	-
Chi phí khác	349.860.337	639.550.002
Cộng	<u>2.388.834.940</u>	<u>1.080.916.351</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	138.621.924.389	205.445.736.202	11.287.088.064	355.354.748.655
Mua trong năm	958.556.364	3.418.084.567	-	4.376.640.931
Giảm khác	(225.739.182)	-	-	(225.739.182)
Số cuối năm	<u>139.354.741.571</u>	<u>208.863.820.769</u>	<u>11.287.088.064</u>	<u>359.505.650.404</u>
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	33.817.736.320	103.188.581.895	3.597.750.973	140.604.069.188
Chờ thanh lý	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	63.665.551.285	123.228.988.055	7.819.193.641	194.713.732.981
Khấu hao trong năm	7.895.359.908	17.204.680.008	1.281.556.212	26.381.596.128
Số cuối năm	71.560.911.193	140.433.668.063	9.100.749.853	221.095.329.109
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	74.956.373.104	82.216.748.147	3.467.894.423	160.641.015.674
Số cuối năm	67.793.830.378	68.430.152.706	2.186.338.211	138.410.321.295
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 51.108.380.118 VND (số đầu năm là 54.657.470.739 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (xem thuyết minh số V.17a).

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	48.689.386.013
Số cuối năm	48.689.386.013
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	48.689.386.013
Số cuối năm	48.689.386.013
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí phát sinh cho công trình Nhà máy sản xuất dược phẩm OSD và Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Công nghệ cao. Chi phí phát sinh như sau:

Số đầu năm	46.772.106.153
Chi phí phát sinh trong năm	4.548.208.030
Số cuối năm	51.320.314.183

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 1.009.180.740 VND (năm trước là 1.914.109.354 VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi để tài trợ vốn cho việc xây dựng Nhà máy sản xuất dược phẩm OSD và Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Công nghệ cao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	481.326.160	740.773.310
Tổng công ty dược Việt Nam - CTCP	469.000.000	-
Công ty TNHH Dược Kim Đô	-	740.773.310
Công ty Cổ phần Danson Group	12.326.160	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	38.415.545.978	29.576.110.823
Công ty TNHH Quảng cáo và Sản xuất Bao bì An Đức	3.523.815.128	4.377.267.650
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hưng Thịnh	4.314.000.000	1.063.960.040
Flamingo Pharmaceuticals Ltd.	51.073.000	13.989.117.615
Các nhà cung cấp khác	30.492.557.850	10.145.765.518
Cộng	38.862.772.138	30.316.884.133

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	3.772.237.556	(3.772.237.556)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	609.338.255	(626.618.255)	-	17.280.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.529.444.774	8.518.490.833	(3.331.000.000)	2.658.046.059	-
Thuế thu nhập cá nhân	490.539.326	-	5.581.341.982	(5.421.362.408)	650.518.900	-
Thuế nhà đất	-	-	21.031.549	(21.031.549)	-	-
Tiền thuế đất	-	-	876.222.031	(876.222.031)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	10.000.000	(10.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	2.630.000	(2.630.000)	-	-
Cộng	490.539.326	2.529.444.774	19.391.292.206	(14.061.101.799)	3.308.564.959	17.280.000

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.910.763.622	39.635.410.884
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.724.970.544	11.455.749.356
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.043.280.000)	-
Thu nhập chịu/tính thuế	42.592.454.166	51.091.160.240
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.518.490.833	10.218.232.048

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dững Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	33.252.381	516.194.151
Hoa hồng cho đại lý và nhà phân phối	5.168.633.383	8.529.721.530
Chi phí phải trả khác	301.537.000	346.925.037
Cộng	5.503.422.764	9.392.840.718

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	-	18.173.477.200
Ông Nguyễn Quốc Thắng - cổ tức phải trả	-	18.173.477.200
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	205.537.581	2.249.400.166
Kinh phí công đoàn	39.704.896	42.619.738
Cổ tức phải trả	44.705.920	1.867.505.920
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	121.126.765	339.274.508
Cộng	205.537.581	20.422.877.366

Công ty không có công nợ phải trả khác quá hạn thanh toán.

17. Vay và nợ thuê tài chính

17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	66.857.970.955	104.390.603.399
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾	12.899.600.470	35.299.311.813
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng ⁽ⁱⁱ⁾	9.883.412.695	67.500.896.096
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	8.670.161.250	1.590.395.490
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng ^(iv)	35.404.796.540	-
<i>Trái phiếu chuyển đổi đến hạn trả^(v)</i>	-	146.948.356.808
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)</i>	-	1.963.100.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	-	1.199.010.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	-	764.090.000
Cộng	66.857.970.955	253.302.060.207

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng để tài trợ cho các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 VND (không bao gồm nhu cầu phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định ngắn hạn). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho luân chuyển (xem thuyết minh số V.7) và các máy móc thiết bị có giá trị còn lại là 22.335.860.091 VND (số đầu năm là 26.772.967.496 VND) (xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm với hạn mức tín dụng 120.000.000.000 VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các máy móc thiết bị có giá trị còn lại là 24.295.119.547 VND (số đầu năm là 27.884.503.243 VND) (xem thuyết minh số V.9).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm với hạn mức tín dụng 40.000.000.000 VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất ở tại phường Nam Ngạn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa với giá trị còn lại là 4.447.400.480 (số đầu năm là 4.585.520.480 VND) (xem thuyết minh số V.9).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm với hạn mức tín dụng 60.000.000.000 VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiền gửi có giá trị 3.500.000.000 VND (xem thuyết minh số V.2a).
- (v) Ngày 20 tháng 4 năm 2018 Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi cho một số nhà đầu tư để huy động vốn đầu tư vào dự án Khu công nghệ cao Đà Nẵng giai đoạn 1, đầu tư hệ thống thiết bị cho hoạt động xuất khẩu và bổ sung nguồn vốn lưu động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 27/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017. Thông tin chi tiết về trái phiếu chuyển đổi này như sau:
- Kỳ hạn gốc : 2 năm
 - Kỳ hạn còn lại : 0 năm
 - Số lượng trái phiếu phát hành : 15.000 trái phiếu
 - Mệnh giá : 10.000.000 VND
 - Lãi suất : 0%/năm
 - Tài sản đảm bảo : Không
 - Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu : 1:500
 - Lãi suất chiết khấu : 6,5%/năm

Giá trị phân nợ gốc và quyền chọn chuyển đổi của trái phiếu chuyển đổi này như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ gốc	-	146.948.356.808
Quyền chọn chuyển đổi	-	17.751.107.584

Trái phiếu chuyển đổi này đáo hạn vào ngày 20 tháng 4 năm 2020. Tại ngày đáo hạn toàn bộ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu.

Trái phiếu chuyển đổi được phát hành cho các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Tổng công ty Dược Việt Nam	-	-	3.300	33.000.000.000
Ông Nguyễn Quốc Thắng	-	-	5.200	52.000.000.000
Cộng	-	-	8.500	85.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Phân bổ chiết khấu	Chuyển đổi thành cổ phiếu	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	104.390.603.399	176.078.875.011	-	-	(213.739.099.741)	127.592.286	66.857.970.955
Trái phiếu chuyển đổi đến hạn trả	146.948.356.808	-	3.051.643.192	(150.000.000.000)	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.963.100.000	-	-	-	(1.963.100.000)	-	-
Cộng	253.302.060.207	176.078.875.011	3.051.643.192	(150.000.000.000)	(215.702.199.741)	127.592.286	66.857.970.955

17b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	-	10.165.476.050
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	-	7.126.544.900
Cộng	-	17.292.020.950

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	1.963.100.000
Trên 1 năm đến 5 năm	-	17.265.096.032
Cộng	-	19.228.196.032

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	17.292.020.950
Số tiền vay đã trả	(17.292.020.950)
Số cuối năm	-

17c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	130.200.000.000	87.632.500.000	17.751.107.584	-	144.828.901.049	30.319.416.816	410.731.925.449
Phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên	6.210.000.000	1.192.000.000	-	-	-	-	7.402.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	29.417.178.836	29.417.178.836

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	17.561.973.745	(18.459.209.119)	(897.235.374)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(10.416.000.000)	(10.416.000.000)
Số cuối năm trước	136.410.000.000	88.824.500.000	17.751.107.584	-	162.390.874.794	30.861.386.533	436.237.868.911
Số đầu năm nay	136.410.000.000	88.824.500.000	17.751.107.584	-	162.390.874.794	30.861.386.533	436.237.868.911
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu ⁽ⁱ⁾	75.000.000.000	92.751.107.584	(17.751.107.584)	-	-	-	150.000.000.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	(2.268.000.000)	-	-	(2.268.000.000)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	31.392.272.789	31.392.272.789
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	12.992.186.533	(12.992.186.533)	-
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	(17.869.200.000)	(17.869.200.000)
Số cuối năm nay	211.410.000.000	181.575.607.584	-	(2.268.000.000)	175.383.061.327	31.392.272.789	597.492.941.700

(i) Trong năm Công ty đã thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu căn cứ theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng quản trị về việc chốt danh sách trái chủ thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu và Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 4 năm 2020 thông qua việc thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu. Theo đó các trái chủ thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo tỷ lệ 1:500 (1 trái phiếu sẽ được chuyển đổi thành 500 cổ phiếu). Việc thực hiện chuyển đổi được thực hiện vào ngày 21 tháng 4 năm 2020 với tổng số lượng cổ phiếu phát hành để chuyển đổi là 7.500.000 cổ phiếu. Ngày 12 tháng 8 năm 2020 Công ty đã thực hiện hoàn tất thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi vốn cổ phần từ 136.410.000.000 VND lên 211.410.000.000 VND do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp.

(ii) Trong năm Công ty đã thực hiện thu hồi và mua lại số cổ phần đã được bán ưu đãi cho các cán bộ chủ chốt đã nghỉ việc, thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động trong thời gian còn hạn chế chuyển nhượng của đợt phát hành cổ phiếu ESOP năm 2018 với giá mua lại bằng với giá bán tại thời điểm phát hành là 12.000 VND/cổ phiếu với tổng số lượng cổ phiếu mua lại là 189.000 cổ phiếu theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng quản trị và các Báo cáo kết quả mua lại cổ phiếu quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Dược Việt Nam	55.381.670.000	26,20	38.881.670.000	28,50
Ông Nguyễn Quốc Thắng	102.663.440.000	48,56	35.634.270.000	26,12
Ông Lê Thăng Bình	29.030.000.000	13,73	70.000.000	0,05
Các cổ đông khác	24.334.890.000	11,51	61.824.060.000	45,32
Cộng	211.410.000.000	100,00	136.410.000.000	100,00

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.141.000	13.641.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.141.000	13.641.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.141.000	13.641.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	189.000	-
- Cổ phiếu phổ thông	189.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.952.000	13.641.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.952.000	13.641.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 48/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 17.869.200.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 12.992.186.533

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

19a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.401.957.048	1.387.617.048
Trên 1 năm đến 5 năm	3.905.828.192	4.473.828.192
Trên 5 năm	18.066.125.412	19.160.017.500
Cộng	23.373.910.652	25.021.462.740

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê đất tại khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng với giá thuê là 27.839.034 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 40,5 năm tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2003.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 43, lô S6, khu đô thị chùa Hà Tiên, phường Liên Bào, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với giá thuê là 14.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại lô 141, LK3, MBQH 121/UB, CN, khu đô thị mới Đông Vệ, phường Đông Vệ, tỉnh Thanh Hóa với giá thuê là 15.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 3 năm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 2/142/16 Thiên Phước, Phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 20.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5,2 năm tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

19b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 17.498,71 USD (số đầu năm là 26.540,58 USD).

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	14.147.925.794	32.677.782.604
Doanh thu bán thành phẩm	384.974.038.875	470.247.626.826
Doanh thu cung cấp dịch vụ	368.349.999	687.247.802
Cộng	<u>399.490.314.668</u>	<u>503.612.657.232</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Danson - BG EOOD		
Bán thành phẩm	64.911.511.110	105.540.461.600
Bán hàng hóa	41.580.000	-
Công ty Cổ phần Dược Thiết bị Y tế Đà Nẵng		
Bán thành phẩm	5.423.925.024	3.033.666.203
Công ty TNHH Dược Kim Đô		
Bán thành phẩm	28.436.901.400	46.870.849.933
Cung cấp dịch vụ	268.727.272	-
Công ty Cổ phần Danson Group		
Bán thành phẩm	22.826.715.108	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	8.495.045.898	1.751.785.383
Giảm giá hàng bán	281.114.411	-
Cộng	<u>8.776.160.309</u>	<u>1.751.785.383</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.604.905.046	31.604.747.760
Giá vốn của thành phẩm đã bán	203.510.633.751	263.461.639.505
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.430.544.586)
Cộng	<u>217.115.538.797</u>	<u>293.635.842.679</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.887.622.506	3.151.553.450
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.043.280.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	748.249.235	520.219.814
Cộng	<u>5.679.151.741</u>	<u>3.671.773.264</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay ngân hàng	5.099.829.782	11.043.023.451
Chi phí lãi vay của trái phiếu chuyển đổi	2.042.462.452	6.264.106.095
Chiết khấu thanh toán cho người mua	88.825.283	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	575.883.412	141.821.243
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	222.881.022	522.117.313
Dự phòng tổn thất đầu tư	4.263.000.000	-
Cộng	<u>12.292.881.951</u>	<u>17.971.068.102</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	26.770.124.602	32.297.540.749
Chi phí vật liệu, bao bì	684.953.991	595.374.448
Phí bảo lãnh ngân hàng	646.006.819	1.050.271.596
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.608.399.420	1.536.634.281
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	3.396.578.482	4.744.868.265
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	10.246.338.666	12.766.211.837
Chi phí hoa hồng bán hàng	33.974.488.560	45.462.934.067
Chi phí khác	1.019.209.998	1.122.356.067
Cộng	<u>78.346.100.538</u>	<u>99.576.191.310</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	24.252.362.345	27.819.582.576
Chi phí vật liệu quản lý	2.725.994.488	4.103.407.869
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.633.309.269	9.494.677.318
Thuế, phí và lệ phí	308.640.534	297.448.761
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.885.618.289	8.297.655.657
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(30.128.754)	(1.640.883.000)
Chi phí bằng tiền khác	3.683.523.431	5.541.021.846
Cộng	<u>48.459.319.602</u>	<u>53.912.911.027</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.392.272.789	29.417.178.836
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	31.392.272.789	29.417.178.836
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	18.772.829	13.455.551
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.672	2.186

8b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	31.392.272.789	29.417.178.836
Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	6.264.106.095
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	31.392.272.789	35.681.284.931
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.772.829	20.955.551
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.672	1.703

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	18.772.829	13.455.551
Trái phiếu chuyển đổi	-	7.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.772.829	20.955.551

8c. Thông tin khác

Ngày 20 tháng 4 năm 2020 Công ty đã tăng vốn điều lệ thông qua việc thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu căn cứ theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 4 năm 2020 về việc chốt danh sách trái chủ thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu và Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng quản trị về việc thông qua việc thực hiện chuyển đổi phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu. Việc thực hiện chuyển đổi này đã làm cho lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu của Công ty năm nay không còn có sự khác biệt như năm trước.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	165.223.352.670	220.875.707.167
Chi phí nhân công	65.123.987.628	77.562.516.317
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.381.596.128	26.581.921.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.987.668.023	77.082.882.819
Chi phí khác	38.975.918.969	45.021.917.542
Cộng	326.692.523.418	447.124.945.016



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Nguyễn Quốc Thắng – Chủ tịch HĐQT		
Cổ tức được chia	5.036.695.800	3.385.255.650
Ông Lê Thăng Bình – Tổng Giám đốc		
Cổ tức được chia	598.388.800	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.16.

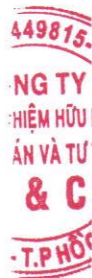
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 4.707.757.306 VND (năm trước là 5.009.488.273 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Dược Việt Nam	Cổ đông góp 26,20% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Dược Thiết bị Y tế Đà Nẵng	Cổ đông góp 7,19% vốn điều lệ
Công ty TNHH Dược Kim Đô	Cổ đông góp 5,43% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome	Công ty liên kết
Danson - BG EOOD	Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Danson Group	Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Danson	Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết. Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng công ty Dược Việt Nam		
Cổ tức được chia	4.665.800.400	3.888.167.000
Phí sử dụng dịch vụ	2.192.380.952	-
Công ty Cổ phần Danson Group		
Mua hàng hóa	11.205.600	-
Công ty TNHH Dược Kim Đô		
Dịch vụ tiếp thị bán hàng	4.040.665.222	3.072.395.329
Mua hàng hóa	-	705.498.389

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc và hóa dược chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất, kinh doanh thuốc và hóa dược trong một khu vực địa lý. Vì vậy, không có yêu cầu trình bày thêm thông tin bộ phận.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Trương Thị Diệu Huyền
Kế toán trưởng/Người lập

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 3 năm 2021

Lê Thăng Bình
Tổng Giám đốc